Triet ly Nghiep - 16b

Triết Lý Nghiệp

Triet ly Nghiep - 16b

Times font

Triết lý về Nghiệp

Hoà thượng Hộ Tông

Thiên XVI-b -ooOoo-

DÂY XÍCH CỦA NHÂN QUẢ THEO Ý NGHĨA VI DIỆU PHÁP

(tiếp theo) Phassa (Xúc)

Phassa : dịch là tiếp xúc hay đụng chạm, vì có lục nhập là nhân.

Giải đại khái có 6, nhất là nhãn xúc, nếu giải rộng có 32 như thức.

Tiếng Phassa dịch là tiếp xúc ấy có giải rằng: Nhãn tiếp xúc với cảnh tượng tức là Sắc, Nhĩ tiếp xúc với cảnh tượng tức là Tiếng, Tỷ tiếp xúc với cảnh tượng tức là Mùi, Thiệt tiếp xúc với cảnh tượng tức là Vị, Thân tiếp xúc với cảnh tượng tức là Vật đụng chạm, Tâm tiếp xúc với cảnh tượng tức là Pháp.

Tiếng Paali gọi là: Cakkhusamphassa, sotasamphassa otasamphassa, ghaanasamphassa, jivhaasamphassa kayasamphassa monosamphassa .

Tất cả Xúc phát sinh lục nhập nếu không có lục nhập cũng không có xúc.

Trong tất cả lục nhập ấy, 5 giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân hằng là duyên sanh xúc do 6 duyên là:

1.- Nissayapaccayaa : là duyên nương tựa.

2.- Purejaatapaccayaa : lục nhập sinh trước rồi.

3.- Indriyapaccayaa : lục nhập là căn cho xúc sinh.

4.- Vipasampayuttapaccayaa : lục nhập và xúc không chung sức nhau.

5.- Attipaccayaa : lục nhập có rồi xúc cũng có.

6.- Avigatapaccayaa : lục nhập với xúc không lìa nhau; lục nhập sinh trong nơi nào, xúc cũng sinh trong nơi ấy.

Phần Ý Lục Nhập là duyên sinh Ý Xúc do 9 loại là:

1.- Sahajaatapaccayaa : sinh cùng với xúc ý.

2.- A~n~nama~n~napaccayaa : giúp lẫn nhau không lìa nhau.

3.- Niissayapaccayaa : nhất là tỷ giác quan ([24]) là nơi nương tựa vào của ý xúc.

4.- Vipaakapaccayaa : tỉ giác quan có kết quả đến ý xúc.

5.- Aahaarapaccayaa : tỉ giác quan là duyên dẫn ý xúc đến.

6.- Indriyapaccayaa : tỉ giác quan là căn đến ý xúc.

7.- Sampayuttapaccayaa : tỉ giác quan cùng hiệp sức với ý xúc.

8.- Attipaccayaa : tỉ giác quan có ý xúc.

9 .- Avigatapaccayaa : tỉ giác quan không lìa ý xúc.

Theo như đã giải là chỉ ngay giác quan nội nhưng cũng không ám chỉ rằng lục nhập ngoại không có duyên đến xúc. Sự thật lục nhập ngoại hằng là duyên đến xúc giống nhau.

Giải rằng:

1.- Ruupaayatana : Sắc là đối tượng duyên nghĩa là sắc là mục đích [25] đến nhãn xúc.

2.- Saddaayatana : Thinh là đối tượng duyên nghĩa là tiếng mục đích đến nhĩ xúc.

3.- Gandhaayatana : là đối tượng duyên nghĩa là mùi, là mục đích đến mũi xúc.

4.- Rasàyatana : Vị là đối tượng duyên nghĩa là vị là mục đích đến thiệt xúc.

5.- Photthabbayatana : Xúc là đối tượng duyên nghĩa là sự đụng chạm là mục đích đến thân xúc.

6 .- Dhamma : Pháp là đối tượng duyên nghĩa là mục đích đến ý xúc.

Xúc như đã giải còn chia ra 2 loại:

1.- Lành

2.- Dữ

Xúc nếu là chánh đáng thì làm cho tâm ưa thích trong thiện pháp gọi là xúc lành. Ví hằng là dữ thì làm cho tâm ưa thích trong tội, kể vào xúc ác.

Xúc là tâm sở tức là đối tượng sinh cùng với tâm dù là thọ sẽ giải tiếp đây cũng là tâm sở giống nhau và để cho dễ hiểu. Về xúc lành, có giải rằng: như nhãn xúc. Khi mắt thấy sắc rồi xác định bằng lẽ Vô thường, Khổ não, Vô ngã. Như người xem hí kịch rồi nhận thức được rằng là điều chơi nhảm, gạt người cho quên mình, quên chết, quên già, đến nỗi lầm lạc vui thích thật. Thấy được như thế, là xúc của tâm sở lành .

Có tích như vầy: Đức Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên thuở còn thanh niên, hai người điều là gia chủ, hằng dẫn nhau đi xem hài kịch. Ngày kia phát động tâm rồi đồng nhau đi tìm pháp giải thoát, cho đến khi gặp Phật giáo như sở nguyện được lưu danh đến nay.

Xúc ác tương phản với trên, nghĩa là thấy sắc dính với sắc, nghe tiếng dính với tiếng, vừa lòng thỏa mãn rồi phải chịu luân hồi sinh tử.

Xúc sinh vì giác quan là duyên, nếu không có giác quan, xúc cũng không thể sinh được, xúc cũng là nhân sinh thọ.

Vedanaa(ThọÏ)

v edanaa: là sự hưởng dụng vị của đối tượng. Đây là cử chỉ hiểu biết hơn thức, nghĩa là thức chỉ biết đặc tính, cử chỉ của đối tượng bên ngoài rằng: Sắc nhờ tiếng vang, mùi thơm; vị chua, đắng, vật đụng chạm mềm, cứng, pháp đối tượng là tâm nghĩ nhớ đến vấn đề chi chi, mà thôi.

Phần thọ là sự hiểu biết nhiều hơn, là biết vui thích, khổ sở không hài lòng hay lãnh đạm, xả. Đây là đặc tính của thọ.

Thọ chia theo cửa cũng có 6, là:

1.- Cakkhusamphassajaavedanaa : Thọ sinh từ xúc của Nhãn môn.

2.- Sotasamphassajaavedanaa : Thọ sinh từ xúc của Nhĩ môn.

3.- Ghaanasamphassajaavedanaa : Thọ sinh từ xúc của Tỉ môn.

4.- Jivhaasamphassajaavedanaa : Thọ sinh từ xúc của Thiệt môn.

5.- Kaayasamphassajaavedanaa : Thọ sinh từ xúc của Thân môn.

6.- Manosamphassajaavedanaa : Thọ sinh từ xúc của Ý môn.

Nếu chia theo loại, thì thọ có 89 ([26]) như tâm, vì thọ gồm có tâm, nhưng thọ trong "thuyết Thập nhị duyên khởi" đây mong lấy 32 loại là thọ gồm có trong 32 quả tâm, có xúc là duyên.

Nói rằng xúc là duyên sinh thọ là do thế lực của thọ chịu đối tượng, cho thành tựu trong cõi dục, thực hành theo Sampaticchannacitta là tâm thụ đối tượng và Santiirannacitta là tâm quan sát đối tượng và Tadaalambanacitta là tạng tâm ([27]) chứa sự vui thích đối tượng trong các cửa.

Các thọ điều sinh từ xúc cả, không phải chỉ sinh riêng một mình phải có xúc là duyên, thọ mới nảy ra được, xúc sinh rồi thọ mới sinh như thế mới gọi là xúc là duyên sinh thọ.

Ta.nnhaa (ái)

Ái sinh từ thọ là duyên, ái là cuộc tranh đấu theo thế lực của lòng thèm khát.

Trong Paraayanavajja gọi Ta.nhaa (ái) là " Jappa ", dịch là xan tham, tham lam, khao khát và có thuyết rằng: Ta.nhaa là điều dơ bẩn của đời, là cái dính mắc của đời, lem luốc, buộc thắt; gọi Ta.nhaa là Sibbanii dịch là khao khát mãnh liệt, không cưỡng được, ví như loài tằm mắc trong ổ kén vậy. Ái dục ràng rịt chúng sinh để trong khổ: Sanh, Già, Bịnh, Chết. Siết chặt trong nỗi than van, rên rỉ, đau đớn, khổ sở, ưu sầu; buộc thắt trong sự luân hồi, khổ; gọi Ta.nhaa là a sa dịch là lòng dục vọng, vô độ, khiến chúng sinh phải chiến đấu, chống lại theo sự khao khát, gọi Ta.nhaa là " Paapa~ncadhamm a" dịch là trì hoãn nghĩa là pháp làm cho chúng sinh chậm lại có 3 là:

Ta.nhaa ái) Mana (kiêu) và Di.t.thi (ý kiến độc đoán), làm cho tâm chúng sinh nảy nở tâm câu chấp rằng:

1.- Etam mana : Đó là của ta, ái dục làm cho giữ vững như vậy.

2.- Esohamasmi : Ta là do kiêu, làm cho giữ lấy như vậy.

3.- Eso me atta : Đó là chính mình ta ý kiến độc đoán làm cho câu nệ như vậy.

Khi đã cố chấp như thế, làm cho chậm giải thoát khỏi luân hồi, gọi là " Sango " dịch là cố giữ lấy Ta.nhaa . 108 ái dục là:

1.- Kaamata.nhaa : Dục trong Cõi Dục Giới.

2.- Bhavata.nhaa : Dục trong Sắc Giới, và mong được như thế ấy như thế kia rồi giữ vững.

3.- v ibhavata.nhaa : Dục trong Vô Sắc Giới.

Nếu giải theo đối tượng, hoặc cảnh tượng thì ái dục chia ra làm 6 là:

1.- Ruupata.nhaa : Sắc dục.

2.- Saddata.nhaa : Thinh dục.

3.- Gandhata.nhaa : Hương dục.

4.- Rasaata.nhaa : Vị dục.

5.- Pho.t.thabbata.nhaa : Xúc dục.

6.- D hammaa ta.nhaa : Pháp dục.

Lấy 6 ái dục ấy chia ra nữa thành 18 là:

1.- Ruupaata.nhaa

1)- Kaamata.nhaa

2)- Bhavata.nhaa

3)- Vibbata.nhaa

2.- Saddata.nhaa

1)- Kaamata.nhaa

2)- Bhavata.nhaa

3)- Vibbata.nhaa

3.- Gandhata.nhaa

1)- Kaamata.nhaa

2)- Bhavata.nhaa

3)- Vibbata.nhaa

4.- Rasaata.nhaa

1)- Kaamata.nhaa

2)- Bhavata.nhaa

3)- Vibbata.nhaa

5.- Pho.t.thabbata.nhaa

1)- Kaamata.nhaa

2)- Bhavata.nhaa

3)- Vibbata.nhaa

6.- d hammata.nhaa

1)- Kaamata.nhaa

2)- Bhavata.nhaa

3)- Vibbata.nhaa

Tách ra nữa thành 36 ái dục:

1.- Ái dục bên trong 18

2.- Ái dục bên ngoài 18

Phân theo thời là: hiện tại, quá khứ và tương lai. Lấy 36 ái dục ấy gộp lại vào 3 thời là:

1)- Ái dục hiện tại -- 36

2)- Ái dục quá khứ -- 36

3)- Ái dục tương lai -- 36

Tổng cộng: 108

Ba ái dục phân ra cách vi tế thành 108 ái dục. Ái dục ấy nếu có trong người nào là duyên cho người ấy khó cất đầu ra khỏi khổ cảnh được, là nguyên nhân sinh khổ sở triền miên, buồn rầu, đau đớn, than van, rên rỉ, mãi mãi. Ví bằng không có ái dục, thì khổ cũng không từ đâu mà sinh được, như Pàli rằng:

Ta.nhaaya jaayate soko

ta.nhaaya jaayate bhaya.m

ta.nhaaya vippamuttassa

natthi soko kuto bhaya.m

- Sự buồn rầu sinh từ ái dục. Điều lo sợ tai nạn sinh từ ái dục, khi người thoát ly được ái dục rồi, nỗi buồn rầu cũng không có, thì sự lo sợ sẽ có từ đâu, như vậy.

Lại ái dục đàn áp người nào, làm cho người ấy đọa trong bốn ác đạo, ví như loại chùm gởi đàn áp cây da lâu ngày xui nên cây da phải ngã xuống đất, thế nào, chỉ có bậc Thánh mới trừ diệt được ái dục. Những hàng trí tuệ hằng không ở dưới quyền lực của ái dục, nghĩa là khi ái dục phát lên các Ngài hằng đè nén, không cho nó cất đầu được, không cho ái dục làm chủ mình.

Phương pháp diệt dục ấy, điều cần thiết là không nên cẩu thả phải có trí nhớ hiểu biết, đồng thời trừ sự cẩu thả, gây nên sự không cẩu thả cho tiến triển trong tâm trạng để khử ái dục. Có Phật ngôn rằng: " N gười nào không cẩu thả, trú trong pháp luật này, người ấy sẽ khỏi luân hồi, diệt tuyệt được sự khổ ".

Cớ ấy, khi ao ước được hết khổ, cần phải đuổi sự cẩu thả ra, dứt ái dục cho tuyệt căn khỏi bản năng ([28]) . Ví như gốc của cây không có vật làm bế tắc ([29]) trú vững trong đất, cây ấy dù bị người chặt đứt phía trên, nghĩa là từ mặt đất trở lên, nó vẫn còn nảy mọc. Ái dục là thụy miên phiền não theo ngủ ngầm trong bản năng, chưa bứng được tận gốc, thì sự khổ nhất là sanh, lão cũng phát lên mãi mãi. Chúng sinh mà bị Taịhànusaya, ái dục thụy miên đè ép bao vây rồi hằng không yên lòng, bức rức ví như con thỏ mắc bẫy. Vì thế cần phải diệt tuyệt ái dục. Phải xác định ái dục theo 3 sự thông hiểu chính xác (Pari~n~naa) là:

1.- Natapari~n~naa : Hiểu chắc rằng: Đây sắc dục, thinh dục, hương dục, vị dục, thân dục, xúc dục, pháp dục có ý nghĩa là hiểu biết đúng. Ái dục mà người phải biết hoặc đã biết rồi.

2.- Tira.napari~n~naa : Hiểu chắc rằng: phải chọn lấy để quán tưởng theo lẽ vô thường là điều tội lỗi, vô ngã là bệnh hoạn, là mũi tên xoi đâm thấu vào mình v.v.

3.- Pahaanapari~n~naa : Khi đã hiểu chắc như trên rồi phải quyết định bỏ đi là diệt tuyệt ái dục, làm cho tiêu tan không còn dư sót, theo Phật ngôn rằng:

" N ày các Tỳ khưu! T ình dục nào tồn tại các ngươi hãy bỏ tình dục ấy đi. Khi các ngươi bỏ được tình dục trong ái dục như thế, mới gọi là người khỏi ái dục, rễ cái đứt rồi, làm cho ái dục không có gốc, không có nơi trú, không cho sinh, không cho tiếp theo ".

Ái dục như đã giải đây từ thọ và ái dục này cùng là duyên sinh thủ thêm nữa.

Upaadaana (Thủ)

Upaadaana dịch là câu nệ, câu chấp có 4 là:

1.- Kaamupaadaana : Dục thủ.

2.- Di.t.thupaadaana : Kiến thủ.

3.- Siilabattupaadaan a: Giới cấm thủ

4.- Attavaadupaadaan a: Chấp theo thế lực lời nói của mình.

Giải tóm tắt rằng:

Kaamupaadaana : là sự câu chấp hẳn vật dục (sắc, thinh, hương, vị, xúc), dục ấy gọi là thủ, nghĩa là sự ao ước, là nguyên nhân cho câu chấp vật dục. Khi đã câu nệ vật dục là nguyên nhân cho tâm quyến luyến rằng đây là của ta, là nhân sinh ghen ghét kẻ khác.

Di.t.thupaadaana : là câu chấp trong sự thấy quấy, có tâm giữ vững trong ý kiến độc đoán, sai lầm rằng, người được thường tồn, đời là lâu dài v.v.

Giải rộng: Cố chấp ý kiến độc đoán của mình thái quá, thành người cứng cỏi, không thể lay chuyển được, không thừa nhận lời khuyên của ai, người như vậy thường hay cãi cọ trong hiện tại với kẻ khác.

Siilabattupaadaana : Chấp hẳn giới cấm theo căn bản, ngoại, tự quyết định rằng, là phép cho chúng sinh trong sạch do sự thực hành theo loài bò là ngủ trên đất, khi ăn cũng ăn như bò v.v.

Attavaadupaadaana : Câu nệ theo lời nói tà kiến hoặc chấp ta, chấp người do thế lực tự cao, cho đến cố chấp đảng phái, bất hòa, chia rẽ nhau. Dù thế nào, Attavaadupaadaana là ngoài Phật.

Trong chú giải Atthakathaavibha.nga có thuyết bốn Upaadaana như vầy:

Sự mong mỏi trong dục, sự ưa thích trong dục, sự luân hồi trong dục, sự ham muốn còn dư sót trong dục, sự khó chịu bứt rứt trong dục, sự im lặng trong dục, sự ôm chặt trong dục gọi là Kaamuupaadaana (dục thú) .

Tóm lại, sự câu nệ vì ái dục làm cho tâm cố giữ vững. Tình trạng giữ vững của ái dục ấy gọi là Purimata.nhaa dịch là ái dục trước, ái dục đã sinh rồi chấp hẳn gọi là Pacchimata.nhaa dịch là ái dục sau, do dựa vào ái dục đã sinh trước. Thủ sinh cũng do ái dục là nhân, ái dục sinh do nương vào thủ ái dục là lòng khao khát chưa đạt được, ví như đạo tặc đưa tay ra trong nơi tối. Thủ là sự mong mỏi đạt được, ví như đạo tặc đưa tay ra nắm lấy đồ.

Tiếng thí dụ đây nghe rất êm tai cho hiểu rõ được tức tốc.

Ái dục là thủ hằng là tương phản với sự ham muốn ít và tri túc. Vì ái dục và thủ là nhân cho ham muốn nhiều là nhân sinh khổ Kaamupaadaana dịch là sự chấp hẳn trong dục hằng là nhân đem đến sự khổ sở .

Có tích như vầy:

Có một triệu phú gia, dù có đầy đủ song cũng vẫn keo kiết. Y trồng một đám mía, tự Y cũng không dám ăn, kẻ khác dùng cũng không được, vì y rất bủn xỉn. Đến khi hấp hối, y có tâm quyến luyến trong mía thái quá, nên sau khi thác thành loài kiến trong cây mía. Đấy cũng do tâm chấp vững trong vật dục.

Trong chú giải Pháp cú Kinh có tích như vầy:

Một vị Tỳ khưu, đến giờ chết có tâm dính mắc trong lá y, thác rồi thành con rận trong lá y. Chư Tỳ khưu đem lá y ra chia, con rận kêu la quay tròn cho đến khi Đức Thế Tôn Ngài dạy để qua bảy ngày, rận ấy chết rồi sẽ chia nhau.

Về phần câu nệ trong phiền não dục cũng có thể đốt thiêu tâm cho khô héo, khó khăn bứt rứt.

Như tích tiếp theo rằng:

Có vị Tỳ khưu đi khất thực, được thấy một thiếu nữ rồi phát tâm luyến ái. Nghĩ rằng, ta hoàn tục rồi đến ở với thiếu nữ ấy. Tính xong không thể đi trì bình được nữa, nên trở

về chùa vào nằm nhớ tưởng đến sự hoàn tục theo thế lực của phiền não dục dính chặt trong tâm, không thọ thực. Bất ngờ ngày ấy, cô thiếu nữ lại chết. Vừa được tin đó Tỳ khưu ấy nghĩ rằng vấn đề mình định đã hỏng rồi, không thể thành tựu theo sở nguyện được, rồi sinh tâm phiền não cũng chết trong ngày ấy.

Giải cho thấy rằng: Kaamupaadaana dục thủ, khi đã phát lên, nếu khâu trừ ([30]) không được, nó sẽ phá người cố chấp cho tổn hại, tan nát như thế. Cớ ấy bậc trí tuệ mới có tâm bỏ dục thủ không cho nảy nở trong bản năng. Dù nó đã sinh trong lúc nào cũng phải cố đè ép nó cho giảm bớt từng tí, cho đến diệt tuyệt. Khi nó đã tiêu tan, người ấy sẽ thoát ly tất những lo sợ, nguy hiểm. Trừ diệt dục thủ được như vậy đều do trí tuệ quan sát rằng: Phiền não mà hằng đàn áp, hãm hại người thấy cảnh tượng cho là tốt đẹp, nhìn xem theo sắc đẹp bên ngoài rồi bị ám ảnh. Về người thấy không cho là đẹp thì phiền não ma không thể quyến rủ được. Ví như gió mạnh không thể thổi bay, làm rung động tảng đá vậy. Phiền não ma ví như lưới bao loài chim, chim bị mắc lưới rồi rất khó bay thoát được thế nào, phiền não ma cũng vậy. Chúng sinh hằng dính trong phiền não ma rất nhiều, hiếm người được thoát khỏi:

Di.t.thupaadaana : Tà kiến thủ có 3 là:

1)- Akiriyadi.t.thi : Hiểu rằng làm phước không có phước làm tội cũng không có tội, sát sinh cũng không gọi là sát sinh. Đất, Nước, Gió, Lửa làm lẫn nhau thì phước, tội do đâu mà có. Chúng sinh nhỏ lớn sinh ra cho thích hợp với nhau. Cá thịt sinh ra để làm thực phẩm cho người. Người giết chúng sinh để ăn thì có tội thế nào. Tóm lại, cố chấp rằng làm phước cũng không phải làm là phước, làm tội cũng không phải làm là tội .

2)- Natthikadi.t.thi : Chấp rằng thú và người cũng không có, chỉ là yếu tố hỗn hợp nhau, chỉ là yếu tố hãm hại lẫn nhau, như nước với lửa. Yếu tố hộ trợ thì chúng hộ trợ lẫn nhau, như lửa cháy, gió thổi v.v.

3)- A hetukadi.t.thi : Cố chấp rằng không có nhân tức là lành hay dữ không nương vào việc làm, tốt cũng tự mình tốt, xấu cũng tự mình xấu .

Cả 3 tà kiến ấy liệt vào xác định tà kiến (N ayatamicchaadi.t.thi) ngăn trở cõi trời và Niết bàn. Tà kiến khác chỉ ngăn Niết bàn, không chắn cõi trời.

Siilabbattupaadaana : Giới cấm thủ là câu nệ giới của ngoại đạo, là nhân làm cho giới trong sạch, khiển trách giới của hàng tịnh giả. Không trì giới theo Phật giáo nghĩa là giữ giới và hành theo ngoại đạo, như đạo lõa thể. Có phái cho rằng qua sông, qua giếng, bưng sẽ đứt giới v.v.

Có kẻ nằm ngồi trên đất, có người mặc bằng lá cây v.v. có hạng lấy cát bụi rải trên mình, trên đầu, bôi bùn lầy.

Attavaadupaadaana : Đã có giải rồi bốn u pàdàna (thủ) ấy sinh do ái dục và thủ hằng là duyên sinh Bhaba : Hữu.

Bhaba (Hữu)

Tiếng Bhaba dịch là "Hữu", nghĩa là nơi sinh của chúng sinh, chia ra làm 2 là:

1.- Kammabhaba .

2.- Upattibhaba .

- Kammabhaba : là cõi, nơi sinh quả, chia ra làm 29 bằng cách chia theo nhất là Kaamaavacarakusala ([31]) .

- Upapattibhaba : là hữu (có) hoặc xuất hiện chia ra làm 9 nhất là Kaamaavacarabhaba .

Trong tiếng Bhaba "Hữu" do sinh là duyên ấy ngấp nghé lấy Upapattibhaba và trong tiếng "sinh" có do hữu là duyên ấy mong ước lấy Kammabhaba là duyên của sinh. Có kinh Pàli rằng:

Kammabhavo upapattibhavoti duvidhobhavo. Tattha pa.thamo bhavatietasmaa phalanti bhavo; so kaamaavacakusaladivasena ekuunattiisavidhodutiyo pana bhavatiiti bhavo. So kaamabhavaadivasena navavidho. upaadaanapaccayaa bhavoti cettha. Upapattibhavopi adhippeto. Bhavapaccayaa jaatiti kammabhavova. So hi jaatiyaa paccayo hoti na itaroabhidhammatthavibhaavinii paricheda .

Nói chia Upapattibhaba "Hữu" ra làm 8 là:

1.- Kaamabhaba : Dục giới.

2.- Ruupabhaba : Sắc giới.

3.- Aruupaabhaba : Vô sắc giới

4.- Asa~n~niibhaba : Vô tưởng giới

5.- Nevosa~n~naanaasa~n~niibhaba : Phi phi tưởng giới.

6.- Ekavokàbhaba : Nhất uẩn giới.

7.- Catuvokaabhaba : Tứ uẩn giới.

8.- Pa~ncavokaabhaba : Ngũ uẩn giới.

Trong phần Vibhanga có giải rằng: Có hạng người trong đời này, suy nghĩ tìm tòi trong tâm rằng: Các dục tình hằng có đầy đủ trong dòng dõi cao sang như dòng vua v.v. (trong cõi người).

Trong Dục giới thiên, cũng đầy đủ dục tình. Khi đã suy nghĩ như vậy rồi hành vi bất chánh, do thế lực của thủ, sau giờ hấp hối phải sinh trong địa ngục.

Trong tạng Kinh có ghi rằng: Người tạo nghiệp bất thiện do thủ là duyên, như Đức Mục Kiền Liên, thuở chưa đắc đạo quả, còn sinh tử trong luân hồi, tự mình giết song thân, như thế.

Dẫn tích như vầy:

Có một người (tiền kiếp Đức Mục Kiền Liên) chỉ một mình làm việc về phụng dưỡng cha mẹ. Mẹ chàng tính tìm vợ để giúp đỡ chàng. Cưới vợ rồi không bao lâu, vợ kiếm chuyện đuổi song thân chàng, xúi giục chồng ghét bỏ mẹ, cha, rốt cục chàng nghe lời

vợ, giết mẹ cha đem bỏ trong rừng, sau khi thác chàng sa trong A tỳ địa ngục. Cớ ấy, chúng sanh tạo nghiệp bất chánh theo thế lực của thủ hằng đi đến bốn ác đạo. Nghiệp ấy dẫn cho chúng sanh trong khổ cảnh, như vậy, mới gọi thủ là duyên sanh hữu.

Tà kiến thủ là duyên sinh hữu. Người câu nệ có tà kiến khó dứt bỏ được, nếu đã cố chấp theo tà kiến rồi là duyên cho sinh trong bốn ác đạo như Đức Kondadhaana-thera thuở còn là vị trời, tính tìm dịp khiến hai vị Tỳ khưu bất hòa nhau như vầy:

Trong thời quá khứ, có hai Tỳ khưu hòa thuận nhau như anh em đồng bào. Vị trời ấy thấy vậy, bèn nghĩ rằng: "Ta sẽ làm cho hai vị bất hòa nhau được chăng?"

Một ngày lễ phát lồ kia, hai Tỳ khưu dẫn nhau đến chánh điện để hành lễ phát lồ cùng chư Tăng. Lúc đi giữa đường, vị nhỏ hạ bạch với vị lớn rằng, bạch ngài chờ tôi chốc lát, tôi có việc vào cụm rừng này để đại tiện, rồi đi ngay vào rừng. Vị trời ấy, được thấy liền phát tà kiến, tính phá cho hai vị bất hòa nhau, nên làm một người nữ, khi Tỳ khưu đại tiện xong trở ra, phụ nữ ấy theo sau lưng giả bộ đang mặc quần, cho vị kia xem thấy. Vị này liền nói với vị nhỏ rằng:

- Thầy đứt giới rồi phải không?

Vị nhỏ bạch:

- Tôi đâu có phá giới gì?

Vị lớn nói chính mắt tôi thấy rõ người nữ cùng theo sau lưng thầy ra khỏi, vừa đi vừa đang bới tóc, vận quần. Tôi thấy tận mắt, mà thầy còn chối cãi gì nữa. Cả hai vị đồng đi đến chánh điện rồi vị lớn nói:

- Tôi không hành lễ phát lộ với thầy đâu.

Từ đó hai vị chia rẽ nhau.

Vị trời thấy hai vị Tỳ khưu không hành lễ phát lồ cùng nhau nên nghĩ rằng: "Đây là nghiệp nặng trịch". Nghĩ rồi bèn bay lên giữa chánh điện trước hai mặt Tỳ khưu, hiện thân cho thấy rõ rệt rồi tuyên bố cho Tỳ khưu cao hạ biết rõ. Sự thật không phải vậy đâu, tôi muốn thử hai ngài xem còn hòa nhau hay chia rẽ nhau. Vị cao hạ được hiểu như thế hết ngờ vực chịu hành lễ cùng nhau. Sau khi thác hai người được lên cõi trời. Vị trời ấy hết tuổi thọ rồi trở sinh trong A tỳ địa ngục. Đến thời kỳ giáo pháp của Đức Phật chúng ta, vị trời lên làm người, trưởng thành rồi xuất gia trong Phật giáo, nhưng trong lúc thọ giới đi đâu cũng có hình người nữ dính theo rõ rệt, đến Chư Tăng, do quả của tiền nghiệp. Đây kể vào tà kiến gọi là thủ. Tà kiến thủ là duyên sinh hữu, cho sinh cõi. Cớ ấy mới gọi hữu, có do thủ là duyên.

Có hạng người nhận xét rằng: Những phần việc được kết quả tốt đẹp do sự dựa vào nhân lành. Họ tạo nghiệp chánh đáng nhất là thân chánh đáng theo thế lực của dục thủ (Kaamupaadaana). Vì thế mà sau khi ngũ uẩn tan rã sẽ đến cõi trời hoặc cõi người cũng nhờ dục thủ.

Trong dục giới dục thủ là duyên sinh hữu, gồm có duyên (A~n~nama~n~napaccaya): nghĩa là phát sanh chung cùng nhau, nương vào nhau. Cớ ấy, bậc trí tuệ cho là hữu

sinh do thủ là duyên như đã giải.

Jati (Sanh)

Tiếng hữu ấy trong Saccavibha.nga mong ước Kammabhaba là duyên đến sanh có 2 là:

1.- Kammabhaba : Nghiệp là duyên đến sanh .

2.- Nissayapaccaya : T họ là duyên đến sanh.

Nên hữu là hai duyên đến sanh, như vậy. Nghiệp là nhân cho sanh. Sanh mà không nghiệp thì không thể sanh được. Trừ có người tạo mới có duyên cho sinh ra. Sự thật, nghiệp hằng là pháp kỳ diệu làm cho cao sang hay thấp hèn.

Cớ ấy Đức Thế Tôn mới thuyết rằng: " Nghiệp hằng phân hạng người cao sang và thấp hèn ". Do đó Bậc Trí tuệ mới hiểu rằng: hữu là duyên đến sanh, nếu hữu tức là nghiệp không có, thì sanh cũng không từ đâu mà có được. Nghiệp là hành vi, động tác của người. Nếu nói đại khái "nghiệp" mà người tạo có 2 là: Nghiệp lành và nghiệp dữ hay gọi là thiện nghiệp và ác nghiệp.

Thiện nghiệp là nhân khiến cho chúng sinh được cao sang, ác nghiệp là nhân gây chúng sanh hạ tiện. Nhưng phần đông hiểu tiếng "nghiệp" theo đời là chỉ nói về sự lo sợ, khổ nàn, khó khăn mà thôi. Nếu hiểu theo Phật giáo tiếng nghiệp là tiếng thông thường, trung lập ngấm nghé bên thiện và bên bất thiện, làm phước gọi là thiện nghiệp, làm tội gọi là ác nghiệp. Tiếng nghiệp chỉ ngay về sự làm, hành vi, động tác, thực hành v.v. Nếu người tạo nghiệp lành thì sẽ được vui ví bằng tạo nghiệp dữ phải chịu khổ.

Có tích như vầy:

Có nhóm Tỳ khưu thường ngụ trong rừng, đến khi ra hạ tính đi đến hầu Phật, bèn cùng nhau nương vào một chiếc thuyền thương mãi. Ghe ấy đi đến bảy ngày rồi không đi được nữa. Thuyền chủ lấy làm lo âu rằng, chắc chắn có nhân gì đây. Rồi bèn định phải rút thăm. Thăm xấu vào tay người nữ, cô vợ của thuyền chủ. Rút thăm như thế đến ba lượt cũng vẫn vào tay vợ ông chủ ghe. Tất cả thủy thủ đều nhìn mặt thuyền chủ. Ông này tuyên bố rằng: "Này các anh! Chúng ta không thể khiến tai hại xảy đến mọi thủy thủ, chỉ vì một người. Các anh hãy liệng nàng xuống đại hải". Rồi dạy thủy thủ cởi cả đồ tốt đẹp của vợ ra, cho mặc y phục cũ. Các thủy thủ đồng nghe theo liệng vợ thuyền chủ trong đại hải, tức tốc ghe chạy được tự nhiên.

Chư Tỳ khưu nghĩ rằng: "ác nghiệp của phụ nữ ấy đã tạo, nào ai hiểu biết được, chỉ có Đức Thế Tôn mà thôi". Như thế rồi yên lặng để trong tâm. Khi ghe đến bờ biển, các thầy dẫn nhau lên bờ. Lúc ấy có một phụ nữ nấu cơm chín rồi, nấu tiếp món ăn. Lửa dính chéo áo rồi bắt cháy lan đến bó cỏ. Bó cỏ ấy bay lên không trung. Có một chim quạ bay đến chui đầu vào bó cỏ đang cháy ấy, bị lửa thiêu sa xuống ngay trước mặt các Tỳ khưu. Các Ngài tính sẽ đem câu chuyên ấy bạch hỏi Phật rồi dẫn nhau lên đường.

Trong thuở ấy, có bảy vị Tỳ khưu định đến hầu Phật, giữa đường gặp một cảnh già lam ([32]) , bèn vào tìm Ngài Sư trưởng; Ngài bèn cho bảy vị vào trú trong thạch động vì

trong nơi ấy có đủø bảy cái giường. Bảy vị Này vào ngụ đến nửa đêm, bất ngờ có một tảng đá to, tự nhiên sa xuống đóng kín cửa động. Sáng ra bảy vị ấy không sao ra khỏi được. Ngài Sư trưởng trụ trì nói rằng, ta cho bảy vị cư ngụ đêm trong động, tảng đá lại đóng bít cửa động, ta tin chắc rằng đấy là do nghiệp nặng. Nói xong ngài trụ trì bèn dạy các sư trong chùa hội lại xô tảng đá mà không động đậy. Ngài liền cho gọi cả bảy gia đình ở chung quanh chùa đến giúp đem tảng đá ra, cũng không dời nổi. Đến ngày thứ 8, không có ai đến xô, tảng đá ấy tự nhiên lăn ra khỏi cửa động. Cả bảy vị Tỳ khưu bèn nói rằng: "Nghiệp mà chúng ta đã tạo, nay phải chịu khổ vậy ngoài Đức Thế Tôn ra có ai biết được. Chúng ta sẽ bạch hỏi". Tính rồi ra khỏi động, từ giã Ngài trụ trì, lên đường gặp nhóm Tỳ khưu kia đã cáo biệt thuyền chủ cũng vừa đến đấy. Chư Sư đồng vào hầu Đấng Giáo Chủ, lễ bái xong, ngồi trong chỗ phải lẽ, Đức Thế Tôn tỏ lời hàn huyên ấm lạnh. Cả hai nhóm Tỳ khưu liền bạch hỏi về nguyên nhân mà mình được thấy và chính mình chịu khổ nữa.

Này các Tỳ khưu! Phụ nữ đã chịu nạn khổ vì nhân ác của nàng đã tạo từ trước rằng, thuở trước nàng đem cơm đến ruộng cho chồng, có một con chó đã nhiều kiếp sinh làm người, từng là chồng của nàng trong nhiều kiếp. Do nhân ấy, khi chồng chết thành chó, vì tình luyến ái vẫn còn. Nên khi nàng ngồi, đi, đứng, hoặc nằm trong nơi nào hay đi tiểu trong rừng, chó ấy vẫn dính theo không lìa xa nàng. Ngày kia nàng đem cơm cho chồng ăn, nàng có đem theo dây nữa. Chó ấy vẫn theo luôn. Nàng dọn cơm cho chồng ăên rồi, nàng xuống bên sông gọi chó lại, hốt cát để vào đầy nồi, một mối dây buộc nồi, một mối buộc chó, rồi xô cả xuống sông. Do nghiệp dữ ấy, nàng bị người liệng bỏ xuống nước, chết hết năm trăm kiếp rồi.

Về phần chim quạ cũng vì nghiệp ác đã tạo từ kiếp trước giống nhau như vầy, trong đời quá khứ có một nông phu, có một con bò lười, bắt nó cày ruộng, nó chạy bỏ đi nằm trong nơi khác. Người nông phu tức giận, đánh đập đến đâu, nó cũng vẫn biếng nhác. Ngày kia anh nông phu bắt bò buộc chắc rồi nói rằng: "Từ đây đi nằm cho yên thân nghe, ta không cần mi cày ruộng và ta cũng không đánh đập mi nữa", xong anh chàng lấy cỏ khô trùm mình bò rồi nổi lửa thiêu bò, chết theo nghiệp của nó. Sau khi thác anh nông phu ấy sinh trong địa ngục, bị đốt rất lâu. Còn quả dư sót của nghiệp, hắn sinh ra làm quạ, tội ấy khiến quạ chui đầu vào bó cỏ cháy như vậy đến 100 kiếp, do thế lực của nghiệp còn sót lại .

Về phần bảy Tỳ khưu, các ngươi phải chịu khổ như thế, vì kiếp trước ngươi là bảy trẻ chăn bò, đuổi bò cho ăn cỏ, mỗi chỗ bảy ngày. Bữa nọ đến một nơi sáu ngày, qua ngày thứ 7, thấy con kỳ đà to đến trước mặt, mới rủ nhau đuổi, kỳ đà ấy chạy vào lổ gò mối có bảy lổ. Các trẻ ấy nghĩ rằng chúng ta không bắt được nó, vậy để qua ngày mai sẽ bắt. Tính rồi đem nhánh cây khô đến lấp miệng lổ, mỗi đứa một lổ, không cho kỳ đà ra được, rồi trở về nhà. Sáng ra không nhớ đến kỳ đà, đuổi bò cho ăn cỏ trong nơi khác, đến bảy ngày mới đuổi đến chỗ nơi khác. Khi thấy gò mối mới nhớ đến kỳ đà. Nghĩ rằng kỳ đà mà chúng ta đã bít kín miệng lổ ấy, nay nó ra sao há, chúng đem nhau khai lổ hỏng, xem thấy kỳ đà vẫn còn, nói: "Chúng ta đừng làm hại nó, nó đã nhịn đói bảy ngày rồi. Nên thương xót nó, bảy trẻ ấy đem nó ra thả và nói rằng: "mi hãy đi đừng lo

sợ, hãy tự do đi theo chí hướng và được yên vui đi". Bảy trẻ ấy sau khi ngũ uẩn tan rã, không sa trong địa ngục, vì không sát hại kỳ đà, nhưng phải chịu đói đến mười bốn kiếp, mỗi kiếp bảy ngày, đến nay là bảy Tỳ khưu, đủ mười bốn kiếp rồi. Nghiệp hằng đem khổ đến cho như vậy. Cớ ấy mới gọi hữu là duyên đến sanh, thủ là duyên đến sanh ấy là Kammabhaba (Hữu).

Sự tạo nghiệp chánh đáng là duyên đến sanh như sau. Lành là cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng và cúng dường Các Đức Độc Giác Phật được sinh lên cõi trời rất nhiều.

Người có đức tin cúng dường tháp bảo cũng gọi là cúng dường Phật. Nghiệp ấy gọi là thiện nghiệp, liệt vào Kammabhaba (Hữu) là duyên đến sanh. Người được trì giới, nghe Pháp, niệm Phật, tham thiền cũng liệt vào Kammabhaba là duyên đến sanh, được tái sanh trong thiên giới .

Người được tích trữ nghiệp lành là nhân cho hạnh phúc trong kiếp sau, như nàng cận sự nữ Khujju.t.taraa được dâng chiếc vòng tay bằng ngà đến Đức Độc giác, để làm chân bát là duyên hộ pháp. Nàng thông suốt Tam tạng. Nàng đại cận sự nữ V isaakhaa dâng tam y đến được đồ vật trang sức ngọc ngà cao quí; Đức Bakulathera cúng thuốc men trừ bệnh rồi các kiếp sau rất ít bệnh hoạn cho đến kiếp chót; Đức A~n~naako.nda~n~na được cúng nước mía, Đức vua Asoka được thí mật ong bằng đức tin sau được làm hoàng đế có thế lực đến một do tuần trên không trung và dưới đất; nàng Sajà thiên nữ thí cơm khô được sinh lên cõi trời; cô Tỳ khưu ni Upalava.n.na kiếp trước nghèo khó thí y cũng được thọ sanh trong nhàn cảnh v.v.

Sự tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ cũng kể vào Kammabhaba (Hữu) gọi là duyên đến sanh. Nếu không có hữu thì cũng không có sanh.

Người tái sanh được vui cũng nhờ thế lực của thiện nghiệp đã tạo từ kiếp trước. Thiện nghiệp cho quả vui để trừ khổ, trợ vui, diệt tội, bổ ích trừ điều lo sợ, ngừa những tai nạn. Nghiệp hằng đem khổ tội lỗi lo sợ, nạn nguy, bịnh tật đến cho.

Thiện và ác đều phát sinh từ nghiệp ấy là hữu, là duyên đến sanh. Trong Thập nhị duyên khởi pháp như vậy:

Jara Marana (Lão, Tử)

Lão và Tử sinh ra do hai hằng có sanh là duyên. Chẳng phải chỉ có thế thôi, sự buồn rầu than van, rên rỉ, ưu sầu, phiền não và nỗi bứt rứt lo âu cũng có. Các pháp đều sinh từ duyên tức là sanh giống nhau. Trừ khi không có sanh là không có ngũ uẩn. Sự rõ rệt của uẩn ([33]) , lục nhập ([34]) , căn ([35]) không có, thủ lão tử cũng không, do đâu mà có được. Đến khi có sanh là tái sanh, là đã có ngũ uẩn rồi, thì lão, tử, buồn rầu, than van, rên siết, khổ sở, nhớ tiếc v.v. mới phát lên đầy đủ.

Cớ ấy bậc hiền minh nên hiểu rằng, sanh là duyên đến lão, tử là duyên đến các nghiệp nhứt là sự buồn rầu, than van rên rỉ. Giải rằng, khi sanh sự cố chấp là mình, là ta, là chúng sinh, là người dù nói theo chân lý tối hậu, nếu ngũ uẩn không có thì lão tử và các pháp nhứt là buồn rầu cũng không từ đâu mà có. Nói cho cùng, các pháp ấy đều dựa vô

minh, có vô minh là nguồn gốc. Vì lão, tử và các pháp nhứt là phiền não đều sinh từ vô minh, có vô minh là duyên. Nhân vô minh là duyên trong các pháp nhứt hành phát sinh do sự nương vào theo thứ tự đến sanh. Nếu không có vô minh, nhứt là hành cũng không sao có được. Khi các pháp không phát sanh được, sinh cũng không có, vì không có nơi nương tựa .

Như thế bậc trí tuệ nên hiểu rằng các pháp đều có vô minh là duyên sanh tử, duyên tức là vô minh là nơi trú của tam luân (Tiva.t.ta). Khi hành giả quyết định, tinh tấn cắt đứt được vô minh rồi, lão, tử và các phiền não v.v. cũng điều tiêu tan. Tình trạng phát sinh các tập khổ có từ vô minh, là duyên nương lẫn nhau mới sinh ra được, như thế. Sự diệt được khổ cũng dựa vào sự dập tắt vô minh trước, vì chỉ có căn nguyên ([36]) . Sự diệt khổ ấy là Niết bàn. Niết bàn hằng diệt tất cả khổ lão tử và tất cả những khổ không còn dư sót, diệt cũng đều nương vào sự diệt sinh lão tử và điều buồn rầu, phiền não, rên rỉ cùng khổ não, bực tức cũng do nương vào sự diệt hữu v.v.

Quán tưởng thấy rõ những tình trạng của các duyên nương vào lẫn nhau mà sinh và cũng dựa vào lẫn nhau mà diệt ấy gọi là Pa.ticcasamupaada Thập nhị duyên khởi pháp. Pa.ticca dịch là nương Upadanaa dịch là các pháp có vô minh đứng đầu có sự yhan van rên rỉ là cuối cùng, nhờ cậy vào lẫn nhau, mới sinh được, là duyên lẫn nhau, mới sinh nhân như vậy nên gọi là Pa.ticcasamupaada (Thập nhị duyên khởi).

Các pháp nương vào lẫn nhau rồi mới sinh được đến khi diệt cũng dựa vào nhau rồi mới diệt được như vậy.

Trong Pa.ticcasamupaada ấy có dịch ra cũng có nghĩa là sinh. Bậc trí tuệ nên hiểu rằng có ý nghĩa ngấm nghé cả sinh và diệt, sinh cũng nương vào diệt, diệt cũng nương vào sinh. Cả hai, diệt và sinh mong mỏi đến Thập nhị duyên khởi, thích hợp với Phật ngôn có giảng cho đức Aananda rằng: "Thập nhị duyên khởi là pháp uyên thúy ([37]) khó cho người quán tưởng. Chúng sinh đi đến ác đạo vì chúng không hiểu được thuyết Thập nhị duyên khởi, khi họ thấu triệt Thập nhị duyên khởi pháp, rồi họ sẽ bỏ được tập khổ".

Tiếng Saịkhàra (hành) sinh nhân duyên ấy ngăn người làm. Giải rằng: Người hành đến khi thấy vô minh là duyên đến hành tức là Pu~n~naabhisa.nkhaara (sự làm lành) Apu~n~naabhisa.nkhaara (sự làm ác) thấy rằng Pu~n~naabhisa.nkhaara việc làm phước hằng đem lợi ích đến mình. Apu~n~naabhisa.nkhaara làm tội không có lợi ích đến mình. Thấy như thế rồi làm lành bỏ dữ sẽ đem mình đến cõi trời.

Cớ ấy Đức Thế Tôn mới thuyết rằng: " Sa.nkhaara (Hành) sinh, nhân Avijjaa (Vô minh) sinh, hành diệt, nhân vô minh diệt".

Tiếng Viĩĩàịa thức sinh từ hành là duyên cũng vì ngăn sự vui thích trong mình.

Tiếng danh sắc sinh nhân duyên tức là thức ấy là nhân ngăn Ghanasa~n~na là tưởng trong thân thể là của ta thật.

Tiếng lục nhập sinh nhân duyên tức là danh sắc ấy là ngăn sự thấy quấy tức là thấy danh và sắc là của mình.

Giải rằng: Người quán tưởng thấy rằng lục nhập sanh từ duyên tức là danh sắc cũng điều tra thấy ngũ uẩn là vô thường, là nơi đem đến tập khổ, là vô ngã. Cớ ấy, mới nói rằng tiếng lục nhập sinh từ duyên tức là danh và sắc ấy sẽ ngăn nhau; ngũ uẩn là thường và thấy là vui và thấy là của ta. Thí dụ:

1- Vô minh ví như kẻ mù.

2- Hành sinh từ duyên tức là vô minh ví như xác định cho biết rằng là kẻ mù.

3- Thức sinh từ duyên tức là hành ví như tình trạng xác định của kẻ mù. Thức sinh từ duyên tức là vô minh ví như sự xác định của kẻ mù té xuống.

4- Danh sắc sinh từ duyên thức ví như kẻ mù té xuống và có thẹo tia máu.

5- Lục nhập sinh từ duyên danh sắc ví như mụt ghẻ bể từ thẹo tia máu.

6- Xúc sinh từ lục nhập ví như sự đụng vào mắt.

7- Thọ sinh từ duyên xúc ví như nỗi khổ của sự đụng vào mắt kẻ thù.

Người si bị vô minh đè nén rồi hằng rung động theo các pháp hành và khiến chúng sanh tái sinh trong cõi mới.

Thức hằng bị chi phối trong hành rồi đi đến năm Gati ([38]) ví như hoàng tử mà vua cha ủy nhiệm ([39]) cho quan Thái phó giáo hóa điều gì thì hoàng tử phải làm theo.

Thức hằng khiến danh đi thụ sinh trong giờ tái sinh.

Thức ví như người nữ lừa dối quyến rũ cho mê say bằng tình dục.

Thức hằng trú trong thân, trong sắc rồi khiến lục nhập cho tiến triển, nảy nở bội phần như cụm cây trong rừng.

Xúc tức là phiền não, là sự đụng chạm, đối tượng. Ví như lửa sinh nơi cây mà người chà xát mong được lửa từ hai miếng cây vậy, như mắt chịu lấy sắc, tai chịu lấy tiếng.

Kế tiếp, thọ sinh ra chịu lấy đối tượng tức là mắt thụ sắc, tai thụ tiếng, mũi thụ mùi, lưỡi thụ vị, thân thụ xúc, ái là sự mong mỏi cũng sinh, rồi thủ sinh v.v. Hữu sinh sanh sinh. Kế tiếp theo, lão tử và những buồn rầu, đau đớn, than van, rên rĩ v.v. cũng hiện ra như vậy.

Sự diệt tất cả những khổ ấy là phải diệt nhân của các pháp theo thứ tự. Mặc dù nói là đại khái, nếu diệt vô minh rồi các pháp cũng diệt hết, những tập khổ cũng diệt theo ý nghĩa như thế.

([24]) Xin nhớ rằng lục nhập nội tức là giác quan.

([25]) Mục đích: cái đích đặt để nhắm vào.

(
[26]
) 89 Tâm là:
1.-

Akusalacitta : ác tâm -- 12
2.- Aahetukacitta : vô nhân tâm -- 18

3.- Kaamaavacaracitta : tâm trải đi trong dục giới -- 24

4.- Ruupaavacaracitta : tâm trải đi trong sắc giới -- 15

5.- Aruupaavacaracitta : tâm trải đi trong vô sắc giới -- 12

6.- Lokuttaracitta : thành tâm -- 08

Cộng thành: 89

([27]) Tạng tâm: tâm chứa trữ.

([28]) Bản năng: tính tự nhiên của người từ lúc mới sinh ra.

([29]) Bế tắc: không thông, ngăn lấp.

([30]) Khâu trừ: trừ bớt.

([31]) Điều lành trải đi trong dục giới.

([32]) Già lam: chùa.

([33]) Ngũ uẩn: Pancakhandha .

([34]) Lục nhập: Ayatanya .

([35]) Căn: Indriya

([36]) Căn nguyên: là nguồn gốc.

([37]) Uyên thúy: là sâu thẳm

(
[38]
) G ati :
nơi mà chúng sinh phải tái sinh
([39]) Ủy nhiệm: giao phó nhiệm vụ cho.

-ooOoo-

Chương trước | Đầu trang | Mục lục | Chương kế

Chân thành cám ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 03-2001)

[Trở về trang Thư Mục]

update: 14-03-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.